

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương và Kết luận 56-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Thực hiện Công văn số 1810/STNMT-VP ngày 28/4/2023, Công văn số 1923/STNMT-VP ngày 11/5/2023 và Công văn số 2096/STNMT-VP ngày 22/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của BCHTW khóa XI.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 24 -NQ/TW VÀ KẾT LUẬN 56-KL/TW

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Việc tuyên truyền, quán triệt, tổ chức học tập Nghị quyết

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã quán triệt nghiêm túc và tuyên truyền sâu rộng đến toàn Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn Kế hoạch số 4231/KH-UBND ngày 17/10/2013 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Kế hoạch số 1589/KH-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch số 182-KH/TU ngày 19/3/2020 của Tỉnh ủy Bình Thuận về việc thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Kế hoạch số 919/KH-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị. Đồng thời, Sở Nông nghiệp và PTNT cũng thường xuyên chỉ đạo các đơn vị trong ngành thực hiện lồng ghép có hiệu quả các

nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường rừng, biển, nước... trong thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành hàng năm.

Sở đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc vận dụng linh hoạt nhiều hình thức tuyên truyền như trực tuyến (qua trang web của Sở, các đơn vị trực thuộc), lồng ghép vào các lớp tập huấn, cấp phát tờ rơi, thực hiện phóng sự và tin bài, phát thanh, tin nhắn tuyên truyền...

2. Việc ban hành các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu, phối hợp tham mưu xây dựng các chương trình hành động, kế hoạch, quyết định thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Cụ thể:

- Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể cấp nước nông thôn tỉnh Bình Thuận đến năm 2020;

- Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án Vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2020;

- Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 17/11/2015 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện các giải pháp phòng chống hạn hán xâm nhập mặn năm 2016, đối phó với ảnh hưởng của hiện tượng El Nino và phòng chống cháy rừng mùa khô năm 2015;

- Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của UBND tỉnh về việc công bố thiên tai (nắng hạn) vụ Đông Xuân 2015-2016 xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

- + Công văn số 975/UBND-KTN ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh về khẩn trương tập trung thực hiện các biện pháp cấp bách phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh;

- + Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện các giải pháp thủy lợi phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh mùa khô năm 2019-2020 trên địa bàn tỉnh;

- + Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh về công bố tình huống khẩn cấp do hạn hán cấp độ 2 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

- + Kế hoạch số 4971/KH-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về phòng, chống hạn hán, thiếu nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp mùa khô năm 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh;

- + Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 05/01/2021 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước phục vụ dân sinh,

sản xuất nông nghiệp và phòng, chống cháy rừng mùa khô năm 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 2263/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Thuận;

- Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý tàu cá, phòng ngừa ứng phó sự cố khi tàu thuyền hoạt động trên biển.

Ngoài ra, đã cụ thể hóa, ban hành nhiều văn bản của Ngành chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

2.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Từ sau khi có Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức toàn Ngành, cập nhật thông tin và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu trên các lĩnh vực thuộc Ngành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm và kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong đó, đã chú ý rà soát lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên từng vùng gắn với việc sử dụng đất lúa một cách linh hoạt, hiệu quả.

- Tập trung triển khai thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; chủ động ứng phó với thiên tai và nước biển dâng; bảo đảm an ninh lương thực, an ninh về nước; củng cố kè sông, kè biển, chống xâm nhập mặn, bảo vệ vùng ven biển, thích ứng và ứng phó với thiên tai trong Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai theo Kế hoạch số 17/KH-PCLB ngày 18/6/2008 của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 về việc Quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trong công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 về Phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 1483/KH-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh về Kế hoạch Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, đã từng bước chủ động lồng ghép công tác phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu vào quy hoạch phát triển ngành, các quy định về bảo vệ môi trường trong toàn Ngành; phối hợp xây dựng và ban hành các quy định về sử dụng đất nhằm nghiêm cấm hành vi xây dựng nhà ở tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai, nhất là khu vực chịu tác động trực tiếp của thiên tai, nước biển dâng.

Ngoài ra, thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh nhằm giảm thiểu sự tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai xảy ra, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch 1682/KH-UBND ngày 17/5/2021 về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc ban hành Quy định tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc sử dụng công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về việc ban hành Quy định đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Qua đó, đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra theo Nghị quyết 06/NQ-CP.

b) Về bảo vệ môi trường

- Về sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh: đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 98,13% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh, đạt mục tiêu đề ra (90%). Đến cuối năm 2022 đã đạt tỷ lệ 98,85% hộ dân nông thôn toàn tỉnh sử dụng nước hợp vệ sinh (HVS), tăng 8,96% so với năm 2013, bình quân tăng 1,00%/năm. Dự kiến đến năm 2025, có thể đạt từ 99% trở lên dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Về cải thiện môi trường làng nghề và khu vực nông thôn: toàn tỉnh còn 03 làng nghề đang hoạt động gồm: Làng nghề bánh tráng Phú Long, thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Nam; Làng nghề bánh tráng chợ lầu, thị trấn Chợ Lầu và Làng nghề gốm gọ Bình Đức, xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình. Các cơ quan chức năng liên quan của tỉnh thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành nghề, làng nghề nông thôn thực thi Luật bảo vệ môi trường và các quy định khác về môi trường. Xây dựng quy định chung về xử lý môi trường cho các làng nghề, triển khai cụ thể đến từng hộ, từng cơ sở ngành nghề và phải làm cam kết bảo vệ môi trường. Về lâu dài, các làng nghề, cơ sở ngành nghề phải tập trung xây dựng tại các khu vực riêng theo quy hoạch sử dụng đất của từng xã và các cụm công nghiệp, TTCN của các địa phương.

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

** Về xây dựng năng lực chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu:*

- Tập trung chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Hàng năm, Ngành đã chủ động phối hợp các địa phương xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trình Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt; từ đó, làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện. Bình quân mỗi năm toàn tỉnh thực hiện chuyển đổi trên 6.000 ha đất lúa để trồng các cây khác có hiệu quả hơn như rau, màu, cỏ chăn nuôi... việc luân canh cây trồng trên đất lúa giúp hạn chế sự phát triển của dịch bệnh, cải tạo dinh dưỡng và sức khỏe cho đất, tiết kiệm nguồn nước tưới, nhất là vụ Đông xuân thường khan hiếm nguồn nước.

- Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai. Từ năm 2013 - 2020, đã tổ chức các lớp tập huấn cho người dân ở các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai, nhằm nâng cao kiến thức, chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai theo Đề án 1002 của Chính phủ về “*Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*”, với 86 lớp/3.701 người tham gia; phối hợp xét duyệt Tiêu chí 3.2 thuộc Tiêu chí 3 về Thủy lợi đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đồng thời, mở các lớp tập huấn cho các ngư dân, chủ tàu, thuyền trưởng hoặc tài công (tài công suất >20CV, đi biển dài ngày,...) của các địa phương vùng biển (7 huyện) nhằm nâng cao năng lực đối phó với thiên tai khi ra biển hoạt động, cách neo buộc tàu thuyền, gọi khẩn cấp, cấp cứu khi bị sự cố, tai nạn; Các trang thiết bị bảo đảm an toàn cho tàu thuyền trước khi ra khơi với 94 lớp/7.523 người tham dự. Phối hợp với Trung tâm Phối hợp TKCN Hàng hải khu vực III (04 lớp/320 người) và Bộ Xây dựng (02 lớp/500 người) tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác PCTT và ngư dân của Tuy Phong, thị xã La Gi và thành phố Phan Thiết; sau tập huấn cấp phát tờ rơi, phao cứu sinh và túi thuốc cho ngư dân tham dự. Tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các bộ, ngành thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh xây dựng bản đồ ngập lụt sông Cà Ty - tỉnh Bình Thuận năm 2012; bản đồ ngập lụt sông La Ngà - tỉnh Bình Thuận năm 2014; xây dựng Đặc điểm Khí hậu thủy văn tỉnh Bình Thuận năm 2016; và Nghiên cứu phân vùng khô hạn và quản lý giám sát hạn hán trên địa bàn tỉnh Bình Thuận năm 2022.

- Đã tham mưu Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành các kế hoạch về phòng chống thiên tai (Kế hoạch số 158/KH-PCLB ngày 30/8/2012 về Kế hoạch Phòng, chống thiên tai, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận 5 năm 2011 - 2015; Kế hoạch số 210/KH-PCTT ngày 28/10/2015 về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh năm 2015; Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão; Kế hoạch số 08/KH-PCTT ngày 12/01/2018 về Kế hoạch PCTT và TKCN giai đoạn 2018 - 2020 của tỉnh Bình Thuận; Kế hoạch số 2263/KH-UBND ngày 15/7/2022 về Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Thuận).

- Phát huy trách nhiệm và huy động các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tích cực tham gia phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, Ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 1/12/2021 về việc ban hành Quy định tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc sử dụng công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về việc ban hành Quy định đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Qua đó, đã phát huy được tinh thần trách nhiệm của nhân dân tham gia phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chú trọng đầu tư xây dựng 06 công trình kè biển gồm: Nâng cấp, sửa chữa kè bảo vệ bờ biển khu phố 1, phường Hàm Tiến dài 170 m; Kè Hàm Tiến (GD2) dài 640 m; Kè Liên Hương (GD2) dài 550 m; Kè Phước Lộc (GD2) dài 480 m; Kè Thanh Hải dài 1.050 m; Kè Hòa Phú dài 1.000 m. Ngoài ra, còn đầu tư các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tạo điều kiện cho tàu thuyền neo đậu, tránh trú an toàn trong mùa mưa bão.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và rừng ở các vùng giáp ranh với các tỉnh bạn. Theo đó, đã chỉ đạo tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ 296.926,8 ha¹ diện tích rừng tự nhiên hiện có (*rừng phòng hộ 128.024,63 ha, rừng đặc dụng 30.187,16 ha và rừng sản xuất 138.715,01 ha*), đặc biệt là diện tích rừng ven biển (10.698,31 ha), rừng ngập mặn (12,63 ha), rừng phòng hộ đầu nguồn (121.367,08 ha). Đồng thời, huy động các nguồn lực để thực hiện các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh trên diện tích 11.856 ha và trồng rừng tập trung 31.565 ha nhằm đảm bảo tối đa các yêu cầu phòng hộ, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì cân bằng sinh thái, ổn định về môi trường đất, môi trường nước và khí hậu, phòng chống thiên tai; thực hiện tốt trồng rừng phòng hộ ven biển, trồng rừng thay thế và các dự án bảo vệ phát triển rừng; thực hiện nghiêm túc chủ trương của Chính phủ tạm dừng các dự án cải tạo rừng, riêng đối với các dự án cấp thiết khác để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhưng có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp đều được rà soát, đánh giá chặt chẽ và thực hiện theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

- Thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, đến nay Ngành đã và đang triển khai đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa, hệ thống kênh tiếp nước nối mạng, các công trình cấp nước sinh hoạt nhằm đảm bảo chủ động điều tiết nguồn nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân, nhất là vùng khô hạn và phục vụ phòng, chống hạn, ứng phó với biến đổi khí hậu gồm các dự án, công trình thủy lợi: Kênh chuyển nước Cà Giây - Cây Cà; kênh chuyển hồ Sông Dinh 3 - hồ Núi Đất, huyện Hàm Tân và thị xã La Gi giai đoạn 1 và kênh

¹ Theo Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Bình Thuận năm 2022

tiếp nước Biền Lạc - Hàm Tân (chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020); hệ thống kênh thủy lợi Tà Pao; đầu tư xây dựng mới hồ chứa nước Sông Lũy, huyện Bắc Bình (chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020); sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa (Sông Quao, Đá Bạc, Cẩm Hang, Hộc Tám, Tà Mon, Tân Lập, Trà Tân, Tân Hà).

** Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng.*

- Thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh đảm bảo hiệu quả, giảm thiểu sự tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai xảy ra, Ngành đã tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch số 1682/KH-UBND ngày 17/5/2021 về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Chủ động di dời, sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của lũ lụt, bão và những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất: Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT đều thực hiện rà soát, thống kê, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch di dời, sơ tán sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của lũ lụt, bão, áp thấp nhiệt đới và những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất. Năm 2022, Sở đã đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh "*Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ cảnh báo, dự báo chi tiết các cấp độ rủi ro thiên tai do bão, mưa lớn, lũ, ngập lụt, nắng nóng, hạn hán trên địa bàn tỉnh Bình Thuận*".

** Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính:*

- Thực hiện chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực chống mất rừng, suy thoái rừng và tạo sinh kế cho cộng đồng, từ năm 2013 đến năm 2018 Ngành lâm nghiệp đã triển khai Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II tỉnh Bình Thuận, qua đó đã tích cực hỗ trợ ngành thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính đến năm 2020, góp phần vào sự thành công các chiến lược, chính sách quốc gia về biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và hướng tới phát triển bền vững. Theo đó, mục tiêu ngắn hạn là tăng cường năng lực để tỉnh có thể hưởng lợi từ việc chi trả dựa trên kết quả giảm phát thải khí nhà kính trong tương lai khi thực hiện REDD+ thông qua Kế hoạch hành động REDD+, góp phần thực hiện thành công Chương trình hành động quốc gia về REDD+ và tái cơ cấu ngành lâm nghiệp. Nguồn vốn thực hiện Chương trình bao gồm vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng của tỉnh.

Trong thời gian thực hiện Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II, tỉnh Bình Thuận đã hoàn thành 100% mục tiêu đề ra: "*Nâng cao khả năng và sự sẵn sàng thực hiện các hoạt động REDD+ của Bình Thuận để có thể hưởng lợi từ các khoản chi trả/chia sẻ lợi ích trong tương lai dựa trên kết quả thực hiện REDD+ và hỗ trợ tái cơ cấu ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh*". Từ đó góp phần vào việc hoàn thành mục tiêu nêu trong văn kiện Chương trình UN-REDD

Việt Nam giai đoạn II được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1724/QĐ/BNN-HTQT ngày 29/7/2013: “*Tăng cường năng lực để Việt Nam có thể hưởng lợi từ việc chi trả dựa trên kết quả giảm phát thải khí nhà kính trong tương lai khi thực hiện REDD+, góp phần thực hiện thành công Chương trình hành động quốc gia về REDD+ và tái cơ cấu ngành lâm nghiệp*”.

Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường góp phần ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh như sau: Tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và sự đồng thuận của các bên liên quan, người dân trong tỉnh và các tỉnh có rừng giáp ranh, đặc biệt là nữ giới và cộng đồng người DTTS về REDD+, tầm quan trọng của rừng đối với việc giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, với cuộc sống người dân qua đó họ có hành động tích cực, trực tiếp tham gia vào công tác trồng rừng, cùng với lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, các hộ nhận khoán đã bảo vệ tốt diện tích rừng nhận khoán bảo vệ; Hòa lợi ích giữa cơ quan quản lý rừng và người dân bằng hình thức trồng cây rừng đa mục đích trên diện tích đất rừng bị người dân lấn chiếm lâu năm. Hạn chế, ngăn ngừa có hiệu quả tình trạng lấn chiếm đất rừng để sản xuất nông nghiệp, hạn chế tranh chấp quyền sử dụng đất rừng giữa cơ quan quản lý và người dân địa phương; Hoạt động làm giàu rừng giúp tăng cường trữ lượng các bon và đa dạng sinh học giảm tình trạng suy thoái rừng tại địa phương.

** Các nhiệm vụ cấp bách theo Kết luận 56-KL/TW:*

- Đầu tư hoàn thiện và nâng cấp hệ thống đê biển, các công trình chống sạt lở ven sông, ven biển:

Hiện nay, Ngành đang tập trung đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ, thủ tục đầu tư các dự án, đê, kè biển thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 gồm: Kè bảo vệ bờ biển thôn Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong; Kè chống xói lở bờ biển đảo Phú Quý; Kè bảo vệ bờ biển phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết; Kè bảo vệ bờ biển xã Tân Tiến, thị xã La Gi; Kè bảo vệ bờ biển xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong và nâng cấp các công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý, khai thác sử dụng tại các địa phương trong tỉnh.

- Rà soát, hỗ trợ di dời dân ra khỏi các vùng có nguy cơ cao sạt lở bờ sông, bờ biển, sạt lở núi, lũ quét và các nguy cơ thiên tai khác:

Hàng năm, rà soát, thống kê, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch di dời, sơ tán dân khi có bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ; hoặc khi có lũ, ngập lụt xảy ra; đặc biệt là theo 05 kịch bản ngập lụt, nước biển dâng do bão mạnh, siêu bão đổ bộ trực tiếp vào tỉnh. Xác định các loại hình thiên tai thường hay xảy ra tại địa phương, vùng xung yếu, vùng ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai để lập kế hoạch phòng chống thiên tai phù hợp với thực tế của địa phương mình; xây dựng phương án ứng phó, bảo đảm hậu cần, nguồn lực, nhu yếu phẩm để phòng tránh, hỗ trợ, cứu trợ khẩn cấp khi bị thiên tai ảnh hưởng trực tiếp.

- Tiếp tục đầu tư, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước; phát triển thủy lợi, nâng cao khả năng tưới, tiêu nước cho các vùng thường xuyên bị hạn hán, úng ngập nặng:

Hiện nay đang tập trung đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ, thủ tục đầu tư các dự án, công trình thủy lợi thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 gồm: Hồ chứa nước Ka Pét, huyện Hàm Thuận Nam; Nâng cấp, sửa chữa các hồ (Suối Trâm, Cà Giang, Ba Bàu, Núi Đất, Đaguiry); Hoàn thiện hệ thống công trình sử dụng nước hồ chứa nước Sông Lũy; Trạm bơm Hồng Liêm và hệ thống kênh tưới, huyện Hàm Thuận Bắc và huyện Bắc Bình; Hệ thống kênh liên huyện phía Nam tỉnh; Kênh tiếp nước Đu Đủ - Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam; Dự án kênh chính Bắc hồ Sông Quao, huyện Hàm Thuận Bắc và huyện Bắc Bình; Hệ thống thoát lũ Trung tâm huyện Hàm Thuận Nam.

b) Về quản lý tài nguyên

** Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia:*

- Bảo đảm cân đối quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội; giữ và sử dụng linh hoạt đất chuyên trồng lúa nhằm bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao hiệu quả sử dụng đất:

Đã tham mưu UBND tỉnh Quy hoạch đất lúa và số hóa bản đồ quy hoạch đất lúa cấp xã đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và được phê duyệt tại Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 12/4/2014. Tuy nhiên, Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 12/4/2014 của UBND tỉnh đã được bãi bỏ, toàn bộ dữ liệu thông tin đất lúa có tại Quyết định số 1589/QĐ-UBND được lưu giữ để cập nhật, tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo Công văn số 4802/UBND-KT ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh. Theo hiện trạng sử dụng đất tính đến ngày 31/12/2020, diện tích đất trồng lúa toàn tỉnh là 55.189 ha².

- Thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; kết hợp bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp; từng bước khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sử dụng đất:

Bình Thuận hiện có hơn 80.000 ha đất bị hoang hóa, sa mạc hóa tại Khu Lê, chiếm 11% tổng diện tích đất tự nhiên trên toàn tỉnh. Tình trạng khô hạn, hoang mạc hóa đang diễn biến vô cùng phức tạp, trước đây, khu vực này đất tốt, hoa màu phong phú, đa dạng. Ngoài ra, tình trạng sa mạc hóa ngày càng trầm trọng hơn ở các huyện ven biển, đáng lo ngại là tốc độ thoái hóa đất diễn ra ngày càng nhanh, đặc biệt là tại các vùng trọng điểm khô hạn của huyện Bắc Bình. Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khuyến khích đầu tư vào đất để làm tăng độ màu mỡ của đất trồng trọt, thời gian qua, Ngành Trồng trọt đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các chủ trương khuyến khích cải tạo làm tăng độ màu

mỡ của đất nông nghiệp để tăng hiệu quả sản xuất trồng trọt. Cụ thể: Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh Quy định giải quyết các trường hợp cải tạo đất nông nghiệp có điều kiện sản xuất không thuận lợi bằng cách thay đổi độ cao mặt bằng, đào ao chứa nước, loại bỏ sỏi đá và tầng nghèo dinh dưỡng để nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Công văn số 578/UBND-KT ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về bảo vệ, sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang mục đích phi nông nghiệp.

Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XIV).

- Bảo vệ, phòng, chống hoang mạc hoá, sa mạc hoá... và bảo đảm diện tích đất cho phát triển rừng bền vững theo quy hoạch:

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu xây dựng Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 18/02/2013. Theo đó, tập trung đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa, hệ thống kênh tiếp nước nối mạng, các công trình cấp nước sinh hoạt nhằm đảm bảo chủ động điều tiết nguồn nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân, nhất là vùng khô hạn.

Đồng thời, tham mưu xây dựng Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011 - 2020, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 22/3/2011; Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2025, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3656/QĐ-UBND ngày 27/12/2018. Theo đó, giúp bảo đảm diện tích đất cho phát triển rừng bền vững theo quy hoạch được duyệt.

- Tăng cường kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác và sử dụng nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và bền vững:

Ngành Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn nước hiện có; đồng thời, phát động nhân dân toàn tỉnh thi đua làm thủy lợi nhỏ phục vụ phát triển sản xuất, sinh hoạt. Theo đó, đã đầu tư phát triển 05 công trình tích trữ nước, 14 công trình tưới tiết kiệm nước, kiên cố hóa khoảng 24 km kênh nội đồng và 05 loại hình công trình khác thuộc chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh theo nội dung Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Kế hoạch số 4884/KH-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh.

- Kiểm soát các hoạt động khai thác, đấu tranh, ngăn chặn tình trạng đánh bắt mang tính huỷ diệt nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là vùng gần bờ:

² Niên giám thống kê năm 2021.

Ngành đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đẩy mạnh thực hiện các giải pháp bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật đối với các trường hợp khai thác hải sản non; đánh bắt thủy sản bằng chất nổ, xung điện, chất độc; khai thác, mua bán, vận chuyển san hô trái phép. Theo đó, hoạt động khai thác hải sản tiếp tục phát triển ổn định, được tổ chức sắp xếp lại quy mô thuyền nghề cho phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản gắn với thực hiện mục tiêu hiệu quả, bền vững, an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Theo đó, số vụ vi phạm đánh bắt hải sản hủy diệt được phát hiện, xử lý có xu hướng giảm, năm 2022 là 56 vụ, giảm 7 vụ so với năm 2012; Số vụ vi phạm đánh bắt trái phép hải sản trong phạm vi vùng bờ đã giảm rõ rệt, năm 2022 chỉ có 288 vụ, giảm 821 vụ so với năm 2012. Tăng cường công tác tuần tra kiểm soát trên biển, đảo nhằm theo dõi, bám sát tình hình và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong Khu bảo tồn biển Hòn Cau.

** Các nhiệm vụ cấp bách theo Kết luận 56-KL/TW:*

- Về tiếp tục tăng cường quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên:

Ngay sau khi có Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Ngành lâm nghiệp đã tổ chức quán triệt sâu kỹ các văn bản trên gắn với đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bằng các hình thức phù hợp cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động cùng các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh. Cùng với mục tiêu bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện có (296.926,8 ha) là công tác phát triển rừng bền vững thông qua các hoạt động như khoán bảo vệ rừng; trồng rừng tập trung; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên và trồng cây phân tán (Khoán bảo vệ rừng: 140.954 ha; Trồng rừng sản xuất: trồng, chăm sóc 29.681 ha, trồng cây phân tán 13,3 triệu cây).

+ Về tình hình và hiệu quả sử dụng đất đã giao cho các Ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp:

Tỉnh Bình Thuận đã hoàn thành việc phân định, định vị tọa độ, cắm mốc ranh giới lâm phận và 3 loại rừng (cả trên bản đồ và thực địa) của 30 đơn vị quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Đã hoàn thành việc lập hồ sơ quản lý rừng theo kết quả Kiểm kê rừng năm 2015 cho 07 chủ rừng nhóm I và 83 chủ rừng nhóm II; thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đơn vị chủ rừng theo quy định pháp luật.

Đã thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty lâm nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI. Qua đó, sắp xếp 04 công ty lâm nghiệp của tỉnh (gồm Công ty TNHH MTV LN Bình Thuận, Công ty TNHH MTV LN Hàm Tân, Công ty TNHH MTV LN Sông Dinh và Công ty TNHH MTV LN Tánh Linh) đến nay, toàn tỉnh đã sắp xếp lại còn 02 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

quản lý (gồm Công ty TNHH MTV LN Bình Thuận và Công ty TNHH MTV LN Sông Dinh). Đến nay, 02 Công ty đã ổn định được về mặt tổ chức theo mô hình doanh nghiệp nhà nước, đã và đang triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh rừng trồng và cao su gắn với việc quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên được giao (hiện đã tạm dừng khai thác theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ) theo hướng quản lý rừng bền vững tiến đến xây dựng và đề nghị cấp Chứng chỉ rừng (FSC) cho các diện tích rừng trồng của đơn vị; trong đó Công ty TNHH MTV LN Bình Thuận đã được phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững và được cấp chứng chỉ rừng (FM/CoC) với diện tích 9.793,48 ha theo tiêu chuẩn quốc tế do tổ chức GFA xét, cấp chứng chỉ.

Nhìn chung, việc sử dụng đất trong 10 năm qua của các BQL rừng phòng hộ, các công ty LN và đơn vị chủ rừng khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp.

c) Về bảo vệ môi trường

** Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường:*

Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo phòng chức năng (Thanh tra Sở) và cơ quan chuyên môn (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên hướng dẫn, theo dõi, giám sát và kiểm soát ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp (dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, đốt rơm rạ...) gây ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống nhân dân.

** Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của nhân dân:*

- Cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt là khu vực nông thôn:

Đã có 65 công trình cấp nước tập trung (CTCNTT), trong đó có một số công trình cấp chung cho cả thị trấn và khu vực nông thôn, với tổng công suất thiết kế là 109.140 m³/ngày, cung cấp nước sạch cho 112.130/195.193 hộ gia đình khu vực nông thôn sử dụng, đạt tỷ lệ 57,45%; trong đó có 59 CTCNTT được đánh giá bền vững (tỷ lệ 90,77%), 06 CTCNTT được đánh giá bình thường (tỷ lệ 9,23%); đã giải quyết cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu khác, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân khu vực nông thôn, góp phần hoàn thành Tiêu chí về cấp nước sạch trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021 - 2025.

- Chú trọng cải thiện chất lượng không khí, cây xanh, không gian vui chơi, giải trí trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các thành phố lớn.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Bình Thuận đã có hơn 7.500 cây xanh được trồng mới, đạt tỉ lệ khoảng 41,86%. Trong đó, nguồn vốn từ ngân sách nhà nước thực hiện việc này khoảng 30%, còn lại phần lớn từ xã hội hóa.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án “*Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025*” trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (phê duyệt tại Quyết định số 3285/KH-UBND ngày 30/8/2021). Theo đó, đến năm 2025 sẽ trồng được 10 triệu cây xanh. Trước mắt, tỉnh sẽ ưu tiên trồng ở các khu vực ven biển, đô thị, khu dân cư để góp phần bảo vệ môi trường, nâng độ che phủ, tạo cảnh quan...

** Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:*

- Bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên, đẩy mạnh trồng rừng, nhất là rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng:

Trong giai đoạn 2013 - tháng 4/2023, diện tích rừng trồng mới tập trung của toàn tỉnh là 31.565 ha, gồm có: rừng trồng phòng hộ, đặc dụng là 1.885 ha; rừng trồng sản xuất là 29.681 ha. Chủng loại cây trồng chủ yếu là Keo, Bạch đàn, Phi lao, Xoan chịu hạn, Sao đen, Dầu, Giáng hương...

Triển khai thực hiện 01 dự án trồng rừng phòng hộ ven biển theo Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 về việc phê duyệt dự án trồng rừng ven biển chắn sóng, chắn cát để cải thiện môi trường sống và canh tác của người dân trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2015 - 2020. Theo đó, tổng diện tích trồng rừng mới, trồng bổ sung, phục hồi rừng trong giai đoạn 2015 - 2018 là 470,64 ha (trồng rừng mới 315,14 ha; trồng phục hồi, nâng cấp 155,5 ha); các diện tích rừng trồng thuộc Dự án SP-RCC nằm dọc theo các vùng đất cát ven biển từ huyện Tuy Phong đến thị xã La Gi và các hải đảo như Cù Lao Cau (Hòn Cau) và Phú Quý với loài cây trồng gồm Phi lao, Keo lá liềm, Keo chịu hạn. Cây sinh trưởng phát triển bình thường và đã đạt tiêu chí thành rừng, góp phần làm tăng độ che phủ của rừng.

Tình hình vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực; theo đó số vụ và tính chất vi phạm đã giảm đáng kể. Tổng số vụ vi phạm trên lĩnh vực lâm nghiệp từ năm 2013 đến hết tháng 4/2023 được phát hiện và lập hồ sơ xử lý là 5.560 vụ. Nhờ phối hợp triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp tuyên truyền, thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm tra, truy quét trên địa bàn, nhất là các khu vực trọng điểm theo kế hoạch và phương án bảo vệ rừng, PCCCR đã ban hành nên đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các vụ vi phạm; kéo giảm số vụ vi phạm trên lĩnh vực lâm nghiệp hàng năm, bình quân năm sau giảm so với năm trước 14,4 %. Diện tích cháy tập trung chủ yếu dưới tán rừng, các trường hợp cháy đều được phát hiện và dập tắt kịp thời nên không gây thiệt hại tài nguyên rừng.

- Tăng cường quản lý, mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên hiện có tại những nơi có đủ điều kiện và đẩy nhanh việc thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên mới:

Qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW, diện tích các khu rừng trồng, rừng tự nhiên được bảo vệ nghiêm ngặt và phát triển nhất là các khu rừng phòng hộ, đặc dụng của 15 Ban quản lý rừng phòng hộ và 02 Khu Bảo tồn thiên nhiên. Không thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên mới.

- Bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, cây dược liệu, vật nuôi có giá trị, loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng:

Đối với 02 Khu Bảo tồn thiên nhiên, hiện đang thực hiện nhiệm vụ bảo vệ hệ sinh thái rừng tự nhiên, đa dạng sinh học và động thực vật hoang dã quý hiếm và 01 Khu bảo tồn biển. Công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học ở hai khu bảo tồn được thực hiện theo dự án quy hoạch đã được phê duyệt, không xảy ra các hoạt động, tác động tiêu cực ảnh hưởng đến đa dạng sinh học của hai khu bảo tồn. Ngoài ra, hiện nay Công ty Cổ phần Rạng Đông đang xúc tiến hồ sơ xin thành lập Cơ sở đa dạng sinh học tại khu vực rừng Dầu Hồng Liêm nhằm cứu hộ, bảo tồn, phát triển các loài động vật, thực vật hoang dã. Đối với Khu bảo tồn biển Hòn Cau, hiện đang phối hợp với các đơn vị chuyên môn thực hiện rà soát hiện trạng đa dạng sinh học trong đề án “*Rà soát, điều chỉnh phân khu chức năng*” và đề tài “*Đánh giá sức tải môi trường*”.

- Ngăn chặn sự xâm nhập, phát triển của sinh vật ngoại lai xâm hại (NLXH):

Đối với Ngành Nông nghiệp và PTNT, Sở đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc liên quan đến trồng trọt, chăn nuôi, quản lý cơ sở nuôi động vật hoang dã theo dõi, hướng dẫn các cơ sở, người dân tuân thủ đúng quy định của pháp luật về danh mục các loài sinh vật NLXH khi kinh doanh, nuôi trồng. Các cơ quan quản lý phải nắm bắt tình hình, ngăn chặn hiệu quả việc nhập lậu, kinh doanh, vận chuyển sinh vật NLXH, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác hại của sinh vật NLXH đối với sinh kế của chính họ cũng như hệ sinh thái và nền nông nghiệp của tỉnh. Trong trường hợp sinh vật NLXH bị phát tán ra ngoài môi trường, cần khoanh vùng, cô lập để tiêu diệt ngay. Năm 2022, đã không còn tình trạng bắt giữ động vật hoang dã bị buôn bán trái phép, giảm 5 vụ so với năm 2012; Số lượng động vật hoang dã bị buôn bán trái phép bị bắt giữ chỉ có 25 con, giảm 46 con so với năm 2012.

** Các nhiệm vụ cấp bách theo Kết luận 56-KL/TW:*

- Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường; khắc phục ngay tình trạng ô nhiễm không khí, nguồn nước thải; chú trọng bảo vệ môi trường nông thôn, trọng điểm là các làng nghề, khu vực chăn nuôi tập trung:

Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của tỉnh tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành nghề, làng nghề nông thôn thực thi Luật bảo vệ môi trường và các quy định khác về môi trường. Xây dựng quy định chung về

xử lý môi trường cho các làng nghề, triển khai cụ thể đến từng hộ, từng cơ sở ngành nghề và phải làm cam kết bảo vệ môi trường.

Đồng thời, thường xuyên hướng dẫn cho các hộ chăn nuôi gia đình và các trang trại chăn nuôi tập trung luôn chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh và công tác bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt Thông tư số 12/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác. Đối với các trang trại chăn nuôi tập trung, phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, có hệ thống xử lý nước thải đạt yêu cầu theo quy chuẩn TCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi.

2.3. Kết quả thực hiện các giải pháp

a) Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức Ngành Nông nghiệp và PTNT về các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI lần thứ 7, Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ đã được nâng cao, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Nhận thức về rừng của toàn xã hội được nâng cao, chủ trương xã hội hóa bảo vệ rừng đã được triển khai thực hiện có hiệu quả. Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò của rừng, về trách nhiệm quản lý và bảo vệ rừng, Ngành Lâm nghiệp tỉnh đã chủ động triển khai nhiều biện pháp đồng bộ nhằm tạo chuyển biến tích cực trong lĩnh vực bảo vệ rừng và PCCCR, ngăn chặn tình trạng khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép, đặc biệt tập trung vào khu vực trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng, điểm nóng về phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật như các khu vực giáp ranh các tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận.

- Đã khuyến khích người dân đầu tư chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang quy mô lớn, công nghiệp, đa dạng đối tượng và hình thức để nâng cao hiệu quả, bền vững, thích nghi với biến đổi khí hậu, gắn với bảo vệ môi trường tại vùng nuôi.

- Các chủ cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản thực hiện nghiêm quy định về phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, về quản lý, xử lý chất thải, khí thải, về cải thiện chất lượng môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao nhận thức người dân ở các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai, qua đó chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai theo

Đề án 1002 của Chính phủ về “*Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*”. Ngư dân, chủ tàu, thuyền trưởng hoặc tài công ở các địa phương vùng biển đã được nâng cao năng lực đối phó với thiên tai khi ra biển hoạt động, cách neo buộc tàu thuyền, gọi khẩn cấp, cấp cứu khi bị sự cố, tai nạn.

- Ý thức của người dân về tầm quan trọng của việc sử dụng nguồn nước sạch cho sinh hoạt, sử dụng tiết kiệm nguồn nước sạch và bảo vệ môi trường sống đã được nâng cao.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai Dự án “*Ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận*” (được đưa vào sử dụng từ 02/2021) cho các cơ quan liên quan đưa vào theo dõi và định kỳ tổng hợp báo cáo diễn biến rừng trong thời gian 15 ngày/01 lần; theo đó vào ngày 02 và ngày 16 hàng tháng, hệ thống phần mềm tự động giải đoán ảnh vệ tinh Sentinel-2 mới nhất để phát hiện các điểm mất rừng. Sau khi phát hiện, hệ thống tự động gửi email và tin nhắn cảnh báo mất rừng tới các cấp quản lý có liên quan. Thông tin gửi đi bao gồm: cấp hành chính, tiểu khu, khoảnh/lô, đối tượng rừng, chủ rừng, số lượng điểm và diện tích bị mất.

c) Tăng cường quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

- Ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo chỉ đạo xuyên suốt và triển khai thực hiện từ cấp trung ương (Chiến lược cấp quốc gia, Kế hoạch hành động cấp ngành, lĩnh vực) đến địa phương (Nghị quyết, Quyết định ban hành Kế hoạch hành động); khung thời gian thực hiện đã đảm bảo cho dài hạn (10 năm trở lên), trung hạn (5 năm) và hàng năm phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật về phát triển kinh tế - xã hội - môi trường của tỉnh.

- UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo về hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, đã phân bổ nguồn lực để đầu tư, nâng cấp các CTCN nhằm khắc phục tình trạng hạn hán, nhằm đảm bảo cấp nước cho người dân. Các đơn vị, địa phương đã phối hợp triển khai các hoạt động có hiệu quả trong việc phòng chống hạn hán.

- Các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu trong lĩnh vực lâm nghiệp bước đầu đã được quan tâm vào hoạt động cốt lõi là giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từ giảm mất rừng và suy thoái rừng và các hoạt động liên quan tăng cường trữ lượng các bon rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, tăng cường năng lực quản lý rừng bền vững.

- Nâng cao năng lực, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, tăng cường giám sát thực thi pháp luật: Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT và lực lượng Thanh tra chuyên ngành của các đơn vị trực thuộc thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về quy định pháp luật, nghiệp vụ, qua đó năng lực, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, tăng cường giám sát thực thi pháp luật đã được nâng lên rõ rệt; công tác thanh tra chuyên ngành về nông, lâm, thủy sản, chăn nuôi, thú ý, chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm được triển khai quyết liệt; công tác thanh tra đặc biệt, thanh tra đột xuất ngày càng tăng cường có sự phối hợp tốt với Công an tỉnh, Công an các huyện/thị xã/thành phố và các Ban, ngành liên quan.

d) Coi trọng hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Ngành Nông nghiệp và PTNT đã và đang thực hiện các chương trình, dự án hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường gồm:

- Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Bình Thuận (SACCR-Bình Thuận). Dự án được thực hiện trên địa bàn 02 huyện Hàm Thuận Nam và Đức Linh.

- Dự án Thúc đẩy sự tham gia của tư nhân đầu tư phát thải carbon thấp và ứng phó biến đổi khí hậu của Ngành Nông nghiệp trong thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định/Nationally Determined Contribution (NDC) của Việt Nam.

- Chương trình "*Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn tăng cường trữ lượng các-bon rừng tại tỉnh Bình Thuận*" (Chương trình UN-REDD Bình Thuận), thời gian thực hiện từ năm 2013 đến 31/12/2018.

III. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Hạn chế, yếu kém trong thực hiện các nhiệm vụ

- Nhận thức, hiểu biết về ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường của người dân vẫn còn hạn chế; tình trạng vi phạm pháp luật trong bảo vệ rừng, nguồn nước, nguồn lợi thủy sản vẫn còn diễn ra, chưa được ngăn chặn triệt để.

- Việc thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu và tài nguyên trong Ngành nông nghiệp và PTNT còn chậm.

- Việc huy động nguồn lực đầu tư bảo vệ, quản lý tài nguyên rừng, tài nguyên nước và tài nguyên biển vẫn còn hạn chế.

- Sản xuất nông nghiệp chủ yếu, quy mô nhỏ lẻ, manh mún nên việc áp dụng các biện pháp cơ giới, tiến bộ kỹ thuật còn hạn chế; tổ chức sản xuất trong nông nghiệp chưa thật sự chặt chẽ, bền vững nên tính liên kết chuỗi trong sản xuất nông nghiệp còn lỏng lẻo, hiệu quả chưa cao.

- Nhu cầu sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước trên địa bàn nông thôn trong tỉnh ngày càng tăng nhanh (do tăng dân số cơ học và phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, dịch vụ) nhưng chưa được đáp ứng kịp thời, vẫn còn khu vực dân cư rất khó khăn, bức xúc về nước sinh hoạt.

- Chưa xây dựng kịch bản ngập, lụt, sạt lở đến quy mô cấp xã mà chỉ theo lưu vực sông, suối và các khu vực có nguy cơ cao.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng và PCCC có lúc, có nơi chưa được đơn vị chủ rừng, lực lượng Kiểm lâm và chính quyền địa phương quan tâm đúng mức.

- Việc huy động vốn đầu tư vào bảo vệ, phát triển rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên vẫn còn nhiều hạn chế.

- Công tác nghiên cứu và bố trí cơ cấu giống cho trồng rừng tập trung chủ yếu các loài cây mọc nhanh, chưa phát triển mạnh các loài cây bản địa, cây lâu năm, gỗ quý.

- Nguồn lợi thủy sản ven bờ đang có dấu hiệu suy giảm, các hệ sinh thái đặc thù bị xâm hại nghiêm trọng, ô nhiễm môi trường biển ngày càng gia tăng; hiệu quả trong hoạt động khai thác hải sản ngày càng giảm; hoạt động điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản chưa thực hiện được.

- Năng suất rừng trồng đã có sự cải thiện nhưng chưa cao, giá trị rừng trồng còn thấp, sản phẩm chủ yếu là gỗ nhỏ, khai thác khi rừng còn non để bán dăm giấy, chưa đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu, chưa tương xứng với tiềm năng về rừng và đất lâm nghiệp hiện có.

- Đa số đơn vị trong Ngành Nông nghiệp và PTNT chưa thể tự triển khai thực hiện được nhiệm vụ điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

- Tình trạng khai thác, vận chuyển, buôn bán, chế biến lâm sản trái phép và lấn chiếm rừng, đất rừng vẫn còn xảy ra.

- Công tác nghiên cứu cây trồng mới, vật nuôi, cây giống lâm nghiệp... chưa đáp ứng kịp thời thực tiễn xây dựng các mô hình ứng phó biến đổi khí hậu hiệu quả, phát triển bền vững.

- Các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, tuy đã xây dựng hệ thống xử lý chất thải nhưng một số cơ sở vẫn chưa đạt yêu cầu, nhất là về tiếng ồn, ô nhiễm

mùi và nguồn nước thải; các điểm giết mổ nhỏ lẻ chủ yếu nằm trong khu dân cư và phát triển tự phát ảnh hưởng đến môi trường.

- Phần lớn các cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản có quy mô sản xuất nhỏ lẻ, hộ gia đình; trình độ sản xuất thủ công theo kinh nghiệm; công nghệ sản xuất thô sơ, nên thường chất thải, khí thải không được xử lý đúng quy định. Vẫn còn một bộ phận cơ sở chưa có ý thức bảo vệ môi trường.

- Còn nhiều cơ sở nuôi thủy sản thương phẩm nhỏ lẻ, nhất là nuôi tôm và nuôi Ốc hương chưa có ao xử lý nước thải theo quy định.

- Việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải và việc di dời các cơ sở làng nghề ra khu tập trung còn gặp nhiều khó khăn do hạn chế nguồn lực đầu tư.

- Năng lực quản lý bảo vệ rừng, sử dụng rừng của một số đơn vị chủ rừng còn hạn chế.

B. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI GIAN TỚI

I. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao năng lực, nhận thức cho người dân; lồng ghép các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển Ngành hàng năm.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; tiếp tục quản lý tốt diện tích rừng và đất lâm nghiệp phù hợp quy hoạch bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2025 đã phê duyệt và quy hoạch sử dụng đất của địa phương trong từng thời kỳ, quản lý, bảo vệ chặt chẽ và nâng chất lượng diện tích rừng tự nhiên hiện có theo tinh thần Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư, gắn với nâng cao diện tích và giá trị rừng trồng...; tiếp tục sử dụng và phát huy hiệu quả Dự án “*Ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận*”; giữ vững ổn định độ che phủ rừng toàn tỉnh đạt tỷ lệ 43%, góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước trong hoạt động thủy sản; tham mưu thực hiện các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển ngành thủy sản của tỉnh bền vững, góp phần hạn chế các rủi ro do tác động của biến đổi khí hậu.

- Huy động, kêu gọi xã hội hóa đầu tư hệ thống xử lý nước thải cho các làng nghề nông thôn, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, nhắc nhở các làng nghề thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường. Tiếp tục xử lý ô nhiễm tại làng nghề, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của các chủ cơ sở và phải có cam kết về bảo vệ

môi trường của từng cá nhân, doanh nghiệp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến đời sống của người dân nông thôn.

- Huy động tối đa các nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành lập hồ sơ, thủ tục đầu tư và đưa vào thi công các dự án, công trình thủy lợi, đê, kè biển thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo chủ động điều tiết nguồn nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân, nhất là vùng khô hạn và hạ tầng đê, kè biển phục vụ phòng, chống hạn, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Tăng cường phối hợp trong công tác thanh tra xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm bảo vệ môi trường.

II. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT sớm ban hành Thông tư hướng dẫn về khu vực (vùng) rừng ven biển để tỉnh tổ chức điều tra lập kế hoạch quản lý bảo vệ và phát triển rừng theo cơ chế đặc thù nhằm bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Sở Nông nghiệp và PTNT, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Giám đốc, Phó GD (đ/c Tấn);
- Lưu: VT, VP, Hoàng (01b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Văn Tấn